

CHƯƠNG 20.

Paris. Tôi được mời đi dự buổi văn nghệ do một hội đoàn Việt Nam tổ chức tại Paris. Buổi văn nghệ chẳng có gì đáng nói, chỉ là sự lặp lại của những màn ca vũ nhạc kịch ở phần đầu và phần sau là cuộc dạ vũ kéo dài từ nửa khuya tới gần sáng. Tuy nhiên, trong buổi lễ chào cờ, nghe ban nhạc tấu lại bài Quốc Ca Việt Nam và nghe những vị khách cao giọng hát theo, tôi không ngờ mình đã cảm động dường ấy.

“Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi...”

Tiếng hát vang lên khắp khán phòng, át hẳn tiếng nhạc, rền rền bên tai và xoáy vào tận cuối hồn tôi những niềm rung động dạt dào ngất ngất. Bản quốc ca này, tôi thuộc lòng từ khi còn bé, vậy mà chưa bao giờ nghe thấm thía yêu thương như trong tâm trạng của một đêm đi dự buổi văn nghệ ở Paris.

“Hạnh phúc là những gì đã trôi qua” như ai đó đã viết.

Thì hạnh phúc bất ngờ tôi bắt gặp lại chính là những thanh âm của dĩ vãng xa xôi đã làm tuôn trào không biết bao nhiêu cảm xúc ứ đọng lâu ngày trong trái tim câm nín. Cả một lịch sử hiên ngang ngất ngưỡng trở về. Từng triều đại đi qua rồi mất hút bỗng đứng lên sừng sững. Hồn thiêng sông núi như bùng sống dậy trên nét mặt những con người đang hiện diện; và tinh thần bất khuất ngạo nghễ của cổ nhân từ mấy ngàn năm qua cũng theo tiếng nhạc vọng lên trong khắp mọi nơi.

Có điều gì ngậm ngùi hơn tiếng lòng của những con người mất quê hương đang phô bày trong giai điệu một bài quốc ca dĩ vãng? Còn điều nào xót xa hơn hình ảnh một nhóm người tha phương đất khách đang trang nghiêm chào lá quốc kỳ của một chính thể đã đi vào bóng tối xa xăm?

Vậy mà, chỉ với ba phút cử hành bài Quốc Ca, tâm trạng tôi biến chuyển không ngừng biết bao cảm xúc. Mỗi sâu vong quốc bao trùm khắp cả khán phòng, len vào trong từng sợi tim, để tôi hiểu rằng không còn một bài ca nào khác trên đời tạo cho tôi nhiều rung động hơn bài Quốc Ca Việt Nam tôi đã được nghe lại một đêm giá rét ở Paris.

□

**Sàigòn, thứ Năm ngày 2/2/1978
(25 âm lịch, giáp Tết Mậu Ngọ).**

*/ Năm Nhâm Tuất (1802), sau khi đã thống nhất được toàn thể VN, Nguyễn Ánh lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long, bỏ *Gia Định Kinh*, đặt *Kinh Sư* ở Huế.

+ Bảy giờ "phủ *Gia Định*" đổi thành *Gia Định Trấn* (có Tổng Trấn trông coi cả 5 trấn Miền Nam: *Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên*); và đổi "*Doanh Phiên Trấn*" thành ra *Trấn Phiên An*.

*/ Đến năm Mậu Thìn (1808) (*Gia Long* 7) lại đổi "*Gia Định Trấn*" ra *Gia Định Thành*, đặt quan Tổng trấn (võ) và Hiệp trấn (văn)

trông coi cả 5 trấn (Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên).

*/ Năm Kỷ Ty (1809) (*Gia Long 8*), Tổng trấn Gia Định thành Nguyễn Văn Nhân và Hiệp trấn Khâm Mạng Trịnh Hoài Đức được lệnh xây thêm tòa Vọng Cung (bên trong Thành Bát Quái) làm nơi cho các quan văn võ bãi vọng hướng về Huế trong những buổi lễ lớn như lễ chúc thọ nhà vua ngày Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ hay những ngày sóc vọng khác.

+ Sau hành cung phía bên phải là hai công thự dành cho Tổng trấn và Hiệp trấn; phía bên trái là công thự dành cho Phó Tổng trấn.

*/ Năm Quý Dậu 1813 (*Gia Long 12*), Tà quân Lê Văn Duyệt nhậm chức Tổng trấn Gia Định thành, cai quản luôn vùng Bình Thuận.

*/ Năm Kỷ Mão 1819 (*Gia Long 18*), vua cho đào kênh Bến Nghé khiến chợ Sài Gòn (Chợ Lớn bây giờ) càng đông vui hơn nhiều vì thuyền bè sông nước Miền Nam có thể ra vào.

+ Đa số người buôn bán là dân Minh Hương, tức người Hoa thời nhà Minh chạy sang VN lánh nạn nhà Thanh, trú ngụ VN đã nhiều đời, có quốc tịch và sống theo phong tục VN. + Nhiều người trong số họ sau làm quan to. + Lại cũng có Hoa Kiều mà theo luật bây giờ thì các con cháu phải trở thành người Minh Hương. + (Vi vậy trước đây trong Nam quen gọi họ là "*khách trú*" và ngoài Bắc gọi là "*chủ khách*").

*/ LÊ VĂN DUYỆT:

Tổ tiên gốc huyện Chương Nghĩa, Quảng Ngãi. Cuối thế kỷ 17, ông nội ông đưa gia đình theo chúa Nguyễn Ánh vào khai phá vùng Vàm rạch Tà Lọt (nay thuộc huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang).

*/ Lê Văn Duyệt thân hình thấp bé nhưng thông minh khỏe mạnh. + Lớn lên trong một gia đình trung lưu, mang tật ân cung (ái nam ái nữ), cha mẹ cho học chữ nhưng ông thích đá gà và võ nghệ hơn. + Ông thường nói: "Sanh ở thời loạn mà không làm nên đại tướng lưu danh sử sách thì không phải là bậc tài trai."

*/ Năm Canh Tý (1780) (thời chúa Nguyễn Ánh), lúc 17 tuổi, Lê Văn Duyệt được sung vào làm Thái giám nội dinh, sau được thăng Cai Cơ, coi quân nội bộ.

*/ Năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Ánh từ Xiêm La trở về lấy đất Gia Định. dịp này Lê Văn Duyệt xin phép mộ binh và được cho lệ tòng Tà Quân, ở dưới quyền của Nguyễn Văn Thành.

*/ Năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung Nguyễn Huệ từ trần.

*/ Năm Quý Sửu (1793), Nguyễn Ánh trở ra Qui Nhơn đốt được thủy trại của Tây Sơn rồi trở về Nam.

*/ Năm Đinh Ty (1797) Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn lần thứ hai nhưng bị thua phải rút về.

*/ Năm Kỷ Mùi (1799)- Nguyễn Ánh đánh Qui Nhơn lần ba.

*/ Lúc này có tướng giỏi của Tây Sơn là LÊ CHẤT trốn sang đầu hàng chúa Nguyễn.

*/ Chiếm được Qui Nhơn, Nguyễn Ánh đổi tên là Bình Định, giao cho Võ Tánh và Ngô Tùng Châu trấn giữ. + Quân Tây Sơn vây chặt Bình Định.

*/ Gần hai năm sau, Tân Dậu (1801), Nguyễn Ánh đưa đại quân đến giải vây; Lê Văn Duyệt và Võ Di Nguy lãnh trách nhiệm đưa 500 chiến thuyền đối phó với thủy quân Tây Sơn đang đóng chặt cửa biển Thị Nại.

*/ Quân Nguyễn Vương bị tổn thất nặng nề, Võ Di Nguy tử trận, chỉ còn Lê Văn Duyệt hăng hái chống trả và phản công quyết liệt. Quân Tây Sơn bị thất bại. Đây là chiến công lớn nhất đã đưa ông lên hàng danh tướng.

*/ Tương truyền về sau, tuy làm quan to nhưng hàng năm ông vẫn cho cử hành lễ kỷ niệm trận đánh này, đích thân ông thấp nhang khấn vái những người xấu số.

*/ Tháng Giêng Nhâm Tuất (1802), Lê Văn Duyệt cùng với Lê Chất đem binh ra đánh Bắc Hà và dẹp yên được Bắc Hà.

*/ Tháng 5 Nhâm Tuất (1802), Nguyễn vương lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long. + Lê Văn Duyệt được thăng làm Khâm sai chương Tả quân Doanh Bình Sơn tướng công, tước Quận Công. + Còn Lê Chất được phong Khâm sai Chương hậu quân, Bình Tây tướng quân.

*/ Năm Quý Dậu (1813) (Gia Long 12), Tả quân nhậm chức Tổng trấn Gia Định thành lần đầu, cai quản luôn vùng Bình Thuận (từ 1813-1815).

*/ Tính khí Lê Văn Duyệt nghiêm minh, chánh trực nhưng không lạm dụng uy lực. Ông từng dám quyết liệt can vua Gia Long trong việc vua bỏ cháu nội dòng trưởng mà chọn người kế vị là con dòng thứ. Vì thế về sau, khi Minh Mạng --dòng thứ-- lên ngôi, đã có tâm ghét bỏ ông, đẩy ông làm Tổng trấn lần thứ hai (từ 1820-1832) tại vùng Gia Định xa xôi.

*/ Tuy vậy, thời gian 15 năm trong hai lần nhậm chức ấy, ông dùng cả đức lẫn oai để cai trị dân Gia Định và đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong lòng người Việt và người Hoa vùng Gia Định.

*/ Cũng qua hai lần làm Tổng trấn, Tả quân đã tạo đòn bẩy cho đất Gia Định, đặc biệt là Cảng Sài Gòn trở thành trung tâm nổi danh ở toàn vùng Đông Nam Á.

*/ Tả quân qua đời vào đêm 30/7 Nhâm Thìn (25 Aout 1832) (năm Minh Mạng 13), hưởng thọ 69 tuổi. + Phần mộ nay hãy còn, gọi là "Lăng Ông" sát bên chợ Bà Chiểu bây giờ.

*/ Tương truyền mộ của Tả quân Lê Văn Duyệt từ lúc bị vua Minh Mạng ra lệnh san bằng năm Ất Mùi (1835) (Minh Mạng 16) trở đi, những lúc trời âm u, đêm yên tĩnh, có tiếng ma khóc quỵ hờn, hoặc tiếng ồn ào xe ngựa; dân cư ở đó không ai dám lại gần; khách bộ hành đều dời sang lối khác mà bước.

*/ Một năm, sau khi xử Tả quân Lê Văn Duyệt, triều đình Minh Mạng lại truy tội Lê Chất (đã chết). + Phần mộ của Lê Chất ở Trung kỳ cũng bị san phẳng và xiềng khóa lại với dây sắt, trên bia đề to mấy chữ: "Đây là nơi Lê Chất phục pháp".

*

* *

Đoàn nghi hát từ 25 tháng Chạp để chuẩn bị mừng năm mới. Chúng tôi được lệnh mừng Ba Tết sẽ lên đường lưu diễn Miền Đông.

Năm ngày không hát, tôi cỡi xe đạp vòng vòng phố xá thăm bè bạn. Lại biết thêm những người bạn bỏ đất nước ra đi. Cũng thêm những

người bạn đã chết. Chuyến ghe dài 7 mét của nhóm bạn tôi, ra khơi từ Cửa Đại, Bến Tre vào thẳng trước, đã chìm lìm dưới những con sóng bạc đầu. 13 người chết. Chỉ một người sống sót, trôi vạt vờ suốt đêm trên sóng; sau, được tàu quốc doanh vớt lên.

Đêm 30 Tết, nơi chiếc quán dốc cầu Trương Minh Giảng, tôi và hai người bạn ngậm ngùi ôn lại chuyện xưa. Trời có gió lạnh ngan ngát. Mùi bùn từ dưới gầm cầu bốc lên tanh ói. Tôi nghĩ đến những người bạn đã chết. Nghĩ đến những kỷ niệm vẫn có với họ ngay nơi chiếc quán này. Đêm 30 năm xưa, chúng tôi còn ngồi với nhau, uống từng cốc rượu và uống cả nỗi suy nghĩ của nhau. Bạn bè chia thành hai nhóm chủ trương: ra đi và ở lại. Nhóm này đả kích nhóm kia, hăng say kịch liệt; để rồi khi giao thừa đến, vẫn nâng cốc chúc mừng nhau thêm một tuổi đời mới.

Đêm 30 năm nay, phần lớn nhóm bạn ngày nào đã vùi thây dưới biển. Con mộng vỡ tan rồi. Cảnh cũ còn đây mà người xưa đâu mất? Có còn chăng chỉ là nỗi ngậm ngùi rơi xuống trên những người ở lại, đêm 30 ngồi khóc bạn bằng những ly rượu đắng giữa một giòng đời đang vội vã đón chào Xuân...

Đâu đây, tiếng pháo giao thừa bắt đầu nổ vang lên.

[]